

TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

(Kèm theo Báo cáo số /BC-KTTL ngày tháng năm 2018 của Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông)

Ngày cập nhật: Ngày 18 tháng 4 năm 2018

TT	Công trình/ Khu tưới	Địa điểm xây dựng (xã)	Cột nước hữu ích Hhd (m)	Dung tích toàn phần (10 ³ m ³)	Hình thức tràn xả lũ	Mức nước hiện tại so với MNDBT (hồ chứa) hoặc MNTK (trạm bơm) (m)	Dung tích hiện tại (10 ³ m ³)	Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%)	Nhận định tình hình hạn hán, thiếu nước	Nhận định thời gian xảy ra thiếu nước
I	Thị xã Gia Nghĩa			7,091.090			6,835.750	96,40		
1	Hồ Nam Dạ	Đắk Nia	8,20	1,082.400	Tự do	-0,80	1,048.450	97	Đảm bảo	
2	Hồ Chế Biển	Đắk Nia	4,00	689.800	Tự do	-0,30	678.340	98	Đảm bảo	
3	Hồ Fai Koi Poul Đăng	Đắk Nia	5,40	230.000	Tự do	-0,95	223.390	97	Đảm bảo	
4	Hồ Đắk Noh (Đắk Đố)	Đắk Nia	4,70	426.600	Tự do	-1,15	398.270	93	Đảm bảo	
5	Hồ Đắk Cút	Đắk Nia	7,41	790.100	Tự do	-1,40	743.480	94	Đảm bảo	
6	Hồ Thôn 2B	Đắk Nia	6,00	355.690	Tự do	-0,80	338.310	95	Đảm bảo	
7	Hồ Đắk Rial	Đắk Nia	8,40	306.190	Tự do	-1,40	283.150	92	Đảm bảo	
8	Hồ Rẫy Mới	Quảng Thành	3,00	574.500	Tự do	-1,30	567.040	99	Đảm bảo	
9	Hồ Tân Hiệp 1	Đắk R'moan	5,50	772.160	Tự do	-0,95	709.550	92	Đảm bảo	
10	Hồ Thủy lợi Nghĩa Phú	Nghĩa Phú	5,10	68.900	Tự do	-1,80	59.110	86	Đảm bảo	
11	Hồ Sinh Ba	Nghĩa Trung	3,10	603.750	Cửa van	0,00	603.750	100	Đảm bảo	
12	Hồ Tô 5	Nghĩa Trung	4,00	300.000	Tự do	-0,05	297.450	99	Đảm bảo	
13	Hồ Tô 6	Nghĩa Trung	4,50	286.000	Tự do	-0,40	279.580	98	Đảm bảo	
14	Hồ Đắk Nút	Nghĩa Đức	4,95	605.000	Tự do	0,00	605.880	100	Đảm bảo	
II	Huyện Krông Nô			22,234.310			16,278.020	73,21		
1	Công trình thủy lợi Đắk Rô	Đắk Đ'rô	18,00	12,230.000	Cửa van	-7,10	8,864.380	72	Đảm bảo	
2	Hồ Đắk Nang	Đắk Nang	3,60	3,600.000	Tự do	-1,50	3,142.370	87	Đảm bảo	
3	Hồ Nam Đà (Đắk Mâm)	Nam Đà	4,00	3,264.920	Tự do	- 2,20	2,484.180	76	Không đảm bảo	
4	Hồ Đắk Hou	Nâm N'Dir	1,50	456.900	Tự do	-0,90	422.340	92	Đảm bảo	
5	Hồ Đắk Pôk	Nâm N'Dir	2,50	846.000	Tự do	-0,90	719.100	85	Đảm bảo	
6	Hồ Đắk Mhang	Nam Nung	2,00	695.000	Tự do	-1,70	501.310	72	Đảm bảo	
7	Hồ Buôn Rcạp	Nam Nung	5,10	598.520	Tự do	<MNC	76.000	13	Không đảm bảo	
8	Hồ Buôn Dong	Quảng Phú	3,17	173.870	Tự do	<MNC	23.010	13	Không đảm bảo	
9	Hồ Buôn Lang	Quảng Phú	7,10	369.100	Tự do	<MNC	45.330	12	Đảm bảo	
10	Trạm Bơm Đắk Rền	Nâm N'Dir							Không đảm bảo	
	- Trạm bơm số 1	Nâm N'Dir				0,50			Không đảm bảo	
	- Trạm bơm số 1A	Nâm N'Dir				Kiệt			Không đảm bảo	
	- Trạm bơm số 2	Nâm N'Dir				0,40			Không đảm bảo	
	- Trạm bơm số 3	Nâm N'Dir				0,50			Không đảm bảo	
	- Trạm bơm số 4	Nâm N'Dir				Kiệt			Không đảm bảo	
	- Trạm bơm số 5	Nâm N'Dir				Kiệt			Không đảm bảo	
11	Trạm bơm Buôn Choách	Buôn Choách				1,50			Đảm bảo	
12	Trạm bơm D12 Buôn Srik	Quảng Phú				1,50			Đảm bảo	
III	Huyện Đắk Song			12,611.230			10,756.725	85,29		
1	Hồ Đắk Toa	Thuận Hà	5,00	1,717.660	Tự do	-1,25	1,359.810	79	Đảm bảo	
2	Hồ Sinh Muông	Thuận Hạnh	3,00	1,431.000	Tự do	-0,30	1,323.680	93	Đảm bảo	
3	Hồ Đắk Kuail	Đắk N'Drưng	7,77	1,230.700	Cửa van	-0,82	1,102.960	90	Đảm bảo	
4	Đập Đắk Nhai	Trường Xuân	8,01	1,064.700	Tự do	-0,80	963.300	90	Đảm bảo	
5	Hồ Cư Prông	Đắk Mol	5,00	115.000	Tràn giềng	-1,95	71.030	62	Không đảm bảo	
6	Hồ Đắk Mol	Đắk Mol	4,50	759.000	Tự do	-0,65	625.660	82	Đảm bảo	
7	Hồ Đắk RLon	TT Đức An	8,80	907.670	Cửa van	-0,32	876.440	97	Đảm bảo	
8	Hồ Đắk Mruông	TT Đức An	5,70	321.500	Tràn giềng	-3,60	148.750	46	Không đảm bảo	
9	CTTL Đắk Lép	Nâm N'Jang	7,00	641.800	Tự do	-0,65	586.180	91	Đảm bảo	
10	Thủy lợi Nâm N'Jang	Nâm N'Jang	4,40	563.950	Cửa van	-0,30	529.420	94	Đảm bảo	
11	Hồ Đắk Pông Bế	Đắk N'DRưng	6,80	748.800	Tự do	-0,99	647.250	86	Đảm bảo	
12	Hồ Suối Đá	Đắk N'DRưng	4,50	252.000	Tự do	-1,12	173.600	69	Đảm bảo	
13	Hồ Thôn 2	Đắk N'DRưng	4,20	145.000	Tự do	0,02	142.825	99	Đảm bảo	
14	Hồ Thôn 5	Đắk N'DRưng	3,20	135.000	Cửa van	-0,60	114.750	85	Không đảm bảo	
15	Hồ Thôn 7 (Bu Bong)	Đắk N'DRưng	3,20	114.000	Tự do	-0,37	94.830	83	Không đảm bảo	
16	Hồ Thuận Tân	Thuận Hạnh	6,00	262.000	Tự do	-0,90	227.830	87	Không đảm bảo	
17	Hồ Thuận Thành	Thuận Hạnh	8,70	742.600	Cửa van	-1,00	661.000	89	Đảm bảo	
18	Hồ Đắk Mruông	Thuận Hạnh	2,70	479.950	Tự do	-0,60	373.290	78	Đảm bảo	
19	Hồ Thôn 2 (Trường Xuân)	Trường Xuân	4,70	455.900	Tràn giềng	-0,80	379.920	83	Không đảm bảo	
20	Hồ Thôn 3	Trường Xuân	5,30	249.500	Tự do	-2,00	162.170	65	Không đảm bảo	
21	CTTL Đắk Cai	Trường Xuân	3,90	273.500	Tự do	-1,40	192.030	70	Không đảm bảo	
IV	Huyện Tuy Đức			13,566.020			10,219.110	75,33		
1	Hồ Đắk RTih	Đắk RTih	6,00	2,224.000	Tự do	-0,74	1,999.780	90	Đảm bảo	
2	Hồ Đắk Buk So	Đắk Buk Sor	3,53	1,081.000	Tự do	-1,35	800.740	74	Đảm bảo	
3	Hồ Đắk Ria	Đắk RTih	3,60	1,049.000	Tự do	-1,40	535.200	51	Đảm bảo	
4	Hồ Đắk Ké	Quảng Trục	4,70	313.300	Tự do	-0,90	252.100	80	Đảm bảo	
5	Hồ Đắk Huýt	Quảng Trục	8,40	390.000	Tự do	-1,80	240.780	62	Đảm bảo	
6	Hồ Đắk Bliêng	Đắk RTih	3,20	709.000	Cửa van	-2,50	291.500	41	Không đảm bảo	Đang thực hiện điều tiết nước từ hồ Đắk Bu Rley
7	Đập Bon Đắk Bu Lum	Quảng Trục	5,50	138.470	Tự do	-2,00	66.470	48	Đảm bảo	
8	Hồ Đắk Ké 2	Quảng Trục	6,90	403.700	Tự do	-1,80	254.300	63	Không đảm bảo	
9	Hồ Thôn 2 (Pu Prăng)	Quảng Trục	5,00	107.900	Tự do	-0,03	107.090	99	Đảm bảo	
10	Hồ Đoàn Văn	Đắk RTih	3,90	728.400	Tự do	-2,00	268.400	37	Không đảm bảo	
11	Đập Đắk Bu Rley	Đắk RTih	5,00	115.520	Tự do	-1,50	69.620	60	Đảm bảo	
12	Hồ Đắk BLung	Đắk Buk Sor	5,70	562.300	Tự do	-0,90	382.390	68	Đảm bảo	
13	Đập Đắk Glun 1	Đắk Ngo	7,13	460.800	Tự do	-1,10	335.400	73	Đảm bảo	
14	Đập Đắk Glun 2	Đắk Ngo	8,00	460.800	Tự do	-0,40	419.200	91	Đảm bảo	
15	Đập Đắk Glun 3	Đắk Ngo	8,00	562.500	Tự do	-0,85	464.750	83	Đảm bảo	

TT	Công trình/ Khu tưới	Địa điểm xây dựng (xã)	Cột nước hữu ích Hhd (m)	Dung tích toàn phần (10 ³ m ³)	Hình thức tràn xả lũ	Mức nước hiện tại so với MNDBT (hồ chứa) hoặc MNTK (trạm bơm) (m)	Dung tích hiện tại (10 ³ m ³)	Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%)	Nhận định tình hình hạn hán, thiếu nước	Nhận định thời gian xảy ra thiếu nước
16	Đập Đắc Rma	Đắc Buk Sor	3.90	335.800	Tự do	-0,04	332.080	99	Đảm bảo	
17	Đập Đắc Huýt 4	Quảng Trục	4.30	377.830	Tự do	-1,00	217.830	58	Đảm bảo	
18	Đập D2	Quảng Trục	7.00	815.000	Tự do	-0,03	808.850	99	Đảm bảo	
19	Hồ Số 1	Đắc Ngo	4.58	650.000	Tự do	-0,80	585.000	90	Đảm bảo	
20	Hồ Số 2	Đắc Ngo	48.39	287.000	Tự do	-1,60	229.600	80	Đảm bảo	
21	Hồ Số 3	Đắc Ngo	5.06	311.000	Tự do	-1,90	248.800	80	Đảm bảo	
22	Hồ Số 4	Đắc Ngo	5.00	252.000	Tự do	-1,20	201.600	80	Đảm bảo	
23	Hồ Đắc Tiên Tranh	Đắc Buk So	4.10	1.230.700	Tự do	-1,25	1.107.630	90	Đảm bảo	
V	Huyện Đắc RLấp			27.037.690			24.091.730	89,10		
1	Hồ Đắc RTang	Kiến Thành	4.00	1.340.000	Tự do	-0,85	1.228.630	92	Đảm bảo	
2	Hồ Thôn 2 (Đắc Sin)	Đắc Sin	3.80	1.213.250	Cửa van	-0,87	1.111.130	92	Đảm bảo	
3	Hồ Cầu Tư	Nghĩa Thắng	14.00	8.090.000	Tự do	-5,40	6.435.180	80	Đảm bảo	
4	Hồ Nhân Cơ	Nhân Cơ	4.50	452.000	Cửa van	-0,42	423.060	94	Đảm bảo	
5	Đập Quảng Lộc	Đạo Nghĩa	9.10	1.103.000	Tự do	-0,30	1.084.420	98	Đảm bảo	
6	Hồ Đắc Côn	Đạo Nghĩa	4.80	773.810	Tự do	-0,65	707.640	91	Đảm bảo	
7	Hồ Đắc Sinh (Hồ thôn 5)	Đắc Sin	3.50	1.164.440	Tự do	-0,50	1.119.670	96	Đảm bảo	
8	Thủy lợi Bàu Muối	Nhân Đạo	4.84	938.900	Tự do	-1,70	831.620	89	Đảm bảo	
9	Hồ Đắc Nêr	Nhân Đạo	6.10	1.000.700	Tự do	-0,20	987.010	99	Đảm bảo	
10	Hồ Thôn 11	Nhân Cơ	6.50	461.300	Tự do	-0,25	455.990	99	Đảm bảo	
11	Hồ Số 3	Nhân Cơ	5.40	183.600	Tự do			0	Đảm bảo	
12	Hồ Thôn 12	Nhân Cơ	6.50	403.030	Tự do	-0,30	394.370	98	Đảm bảo	
13	Hồ Thôn 5	Đắc Sin	4.80	702.070	Tự do	-0,40	680.860	97	Đảm bảo	
14	Đập Thôn 5	Đắc Sin	6.90	745.000	Tự do	-0,67	693.550	93	Đảm bảo	
15	Hồ Đắc Sin	Đắc Sin	3.40	686.060	Tự do	-1,00	622.900	91	Đảm bảo	
16	Hồ Đắc Blao	TT Kiến Đức	4.00	264.480	Tự do	-0,40	246.800	93	Đảm bảo	
17	Thủy lợi Da Dung	TT Kiến Đức	8.60	289.400	Tự do	-0,85	277.360	96	Đảm bảo	
18	Hồ Đắc RMur	Nhân Đạo	6.90	764.350	Tự do	-1,00	710.540	93	Đảm bảo	
19	Hồ Đắc Rsung	Nhân Đạo	5.40	494.000	Tự do	-0,15	489.130	99	Đảm bảo	
20	Hồ Bon Pi Nao	Nhân Đạo	6.77	916.700	Tự do	-1,30	828.790	90	Đảm bảo	
21	Hồ Sa Da Co	Quảng Tín	6.00	350.000	Tự do	-0,25	346.310	99	Đảm bảo	
22	Hồ Thôn 9 Quảng Tín	Quảng Tín	6.60	517.000	Tự do	-0,10	514.350	99	Đảm bảo	
23	Thủy lợi Đắc Xá	Quảng Tín	4.10	408.100	Tự do	-2,70	318.830	78	Đảm bảo	
24	Hồ Đắc Ru I	Đắc Ru	3.20	422.000	Tự do	0,00	422.000	100	Đảm bảo	
25	Hồ Đắc Ru II	Đắc Ru	6.00	458.900	Tự do	-0,50	446.320	97	Đảm bảo	
26	Hồ Đắc Tát	Hưng Bình	5.00	544.000	Tự do	-1,60	441.490	81	Đảm bảo	
27	Đập thôn 8 Đắc Sin	Hưng Bình	4.30	418.100	Cửa van	-0,60	392.440	94	Đảm bảo	
28	Hồ Thôn 9 (Kiến Thành)	Kiến Thành	6.60	610.300	Tự do	-0,30	596.540	98	Đảm bảo	
29	Hồ Thôn 2	Quảng Tín	4.00	120.000	Tự do	-0,50	117.110	98	Đảm bảo	
30	Hồ Bon Bu Ja Rá	Nghĩa Thắng	5.40	494.000	Tự do	0,05	494.000	100	Đảm bảo	
31	Hồ Đắc Krung	Đắc Wer	1.70	532.000	Tự do	-0,28	511.200	96	Đảm bảo	
32	Đập Đắc Jeng Tung	Kiến Thành	5.50	177.200	Cửa van	-0,90	162.49	92	Đảm bảo	
VI	Huyện Đắc GLong			11.656.600			9.567.380	82,08		
1	Hồ Thủy điện	Quảng Sơn	3.50	1.200.000	Tự do	0,00	1.200.000	100	Đảm bảo	
2	Hồ Công ty 847	Quảng Sơn	4.00	1.098.450	Tự do	-1,05	926.250	84	Đảm bảo	
3	Hồ Đắc Hlang	Quảng Khê	7.70	524.170	Tự do	-0,50	478.170	91	Đảm bảo	
4	Hồ Trường Học	Quảng Khê	2.50	190.000	Tự do	0,13	190.000	100	Đảm bảo	
5	Nao Ma A	Quảng Khê	9.60	568.800	Tự do	-0,60	534.000	94	Đảm bảo	
6	Hồ Thôn 2 (Nao Kon Dơi)	Quảng Khê	2.17	410.300	Tự do	0,00	410.300	100	Đảm bảo	
7	Hồ Thôn 4	Quảng Khê	8.50	356.320	Tự do	-0,62	316.020	89	Đảm bảo	
8	Hồ Đắc Srê	Quảng Khê	4.30	732.900	Tự do	-1,38	474.840	65	Đảm bảo	
9	Hồ Thôn 3	Quảng Khê	2.00	350.000	Tự do	-0,50	328.000	94	Đảm bảo	
10	CTTL N'Jer	Quảng Khê	8.27		Tự do	-1,00			Đảm bảo	
11	Hồ Bās Rai	Quảng Khê	3.50		Tự do	-1,70			Đảm bảo	
12	Hồ Bì Zê Rê	Đắc Som	8.00	332.700	Tự do	-0,70	290.700	87	Đảm bảo	
13	Hồ BĐong	Đắc Som	2.50	400.000	Tự do	-0,03	395.800	99	Đảm bảo	
14	Thủy lợi Thôn 5	Đắc Som	8.40	241.400	Tự do	-4,50	56.900	24	Đảm bảo	Thiếu nước cuối vụ
15	Hồ Chum Ia	Đắc Som	3.00		Tự do	-0,50			Đảm bảo	
16	Hồ Thôn 1	Đắc Ha	7.80	84.000	Tự do	-0,80	68.000	81	Đảm bảo	
17	Hồ Đắc Bông	Đắc Ha	8.10	165.120	Tự do	-1,00	134.120	81	Đảm bảo	
18	Hồ Đắc Ha	Đắc Ha	8.00	691.000	Tự do	-1,60	571.000	83	Đảm bảo	
19	Hồ Đắc R'Tiêng	Đắc Ha	8.30	169.340	Tự do	-0,70	146.870	87	Đảm bảo	
20	Hồ Trảng Ba	Đắc Ha	4.50	270.000	Tự do	-2,90	175.500	65	Đảm bảo	Thiếu nước cuối vụ
21	Hồ Đắc Snao	Đắc R'măng	2.90	594.800	Tự do	-0,43	497.190	84	Đảm bảo	
22	Hồ Đa Hạng Lang	Đắc R'măng	3.50		Tự do	-0,67			Đảm bảo	
23	Hồ Đeo 52(Hồ 831)	Quảng Sơn	6.50	240.000	Tự do	-3,30	58.170	24	Đảm bảo	Thiếu nước cuối vụ
24	Hồ Đắc Snao 1(Hồ 882A)	Quảng Sơn	3.00	560.250	Tự do	-2,50	307.750	55	Đảm bảo	
25	Hồ Đắc Snao 2(Hồ 882B)	Quảng Sơn	7.90	145.000	Tự do	-1,80	89.800	62	Đảm bảo	
26	Hồ Đắc Snao 3	Quảng Sơn	3.50	620.520	Tự do	-0,15	609.180	98	Đảm bảo	
27	Hồ Thôn 3B Bon Sa Nar	Quảng Sơn	8.06	625.500	Tự do	-1,60	430.300	69	Đảm bảo	
28	Thủy lợi Đắc Nder 2	Quảng Sơn	3.80	456.030	Tự do	-0,83	315.100	69	Đảm bảo	
29	Hồ Km41	Quảng Sơn	2.50	370.000	Tự do	-0,30	321.400	87	Đảm bảo	
30	Hồ Ba Trong	Quảng Sơn	2.00	260.000	Tự do	-0,31	242.020	93	Đảm bảo	
VII	Huyện Đắc Mil			20.262.220			12.144.487	59,94		
1	Công trình hồ Đắc Sāk	Đức Minh	10.00	7.747.500	Tự do	-3,25	4.651.875	60	Đảm bảo	
2	Hồ Tāv	TT Đắc Mil	3.85	2.830.480	Tự do	-1,25	1.926.514	68	Đảm bảo	
3	Hồ Núi lửa	Thuận An	4.00	620.000	Tự do	-2,55	197.368	32	Không đảm bảo	Cuối vụ
4	Công trình Đập Đắc Puer	Thuận An	4.00	350.000	Cửa van	-3,15	71.225	20	Không đảm bảo	Cuối vụ
5	Công trình Đập Đắc Goun thượng	Thuận An	5.20	498.000	Cửa van	-2,80	168.462	34	Đảm bảo	
6	Công trình Đập Yok Lom	Thuận An	6.55	513.960	Tự do	-1,40	374.685	73	Đảm bảo	
7	Công trình Đập Jun Juh	Đức Minh	3.40	618.680	Cửa van	-1,60	222.585	36	Đảm bảo	
8	Công trình hồ Đắc Sai	Đắc Lao	8.00	133.400	Cửa van	-4,48	72.080	54	Đảm bảo	
9	Công trình hồ Đắc Mбай	Đắc Lao	4.56	91.600	Cửa van	-4,50	29.009	32	Không đảm bảo	Cả phê thiếu đợt 3,4
10	Công trình hồ Đắc Ken (6B)	Đắc Lao	3.00	30.000	Tự do	-1,65	6.075	20	Không đảm bảo	Cả phê thiếu đợt 2,3,4
11	Công trình hồ Đắc Louy	Đắc Lao	8.50	55.000	Tự do	-0,10	51.075	93		Cả phê thiếu đợt 3,4
12	Công trình Đắc Rla	Đắc N'DRót	4.00	165.000	Tự do	-2,00	55.000	33	Đảm bảo	
13	Công trình Đắc Ry I	Đắc Rla	8.00	283.500	Cửa van	-2,20	168.153	59	Đảm bảo	
14	Công trình Đắc Ry II	Đắc Rla	12.70	1.314.050	Cửa van	-3,66	808.391	62	Đảm bảo	
15	Công trình Đắc NDRót	Đắc N'DRót	7.50	220.000	Tự do	-3,80	79.218	36	Đảm bảo	
16	Công trình Đắc Láp	Đắc Gân	4.00	165.000	Tự do	-2,74	29.507	18	Đảm bảo	

TT	Công trình/ Khu tưới	Địa điểm xây dựng (xã)	Cột nước hữu ích Hhd (m)	Dung tích toàn phần (10 ³ m ³)	Hình thức tràn xả lũ	Mức nước hiện tại so với MNDBT (hồ chứa) hoặc MNTK (trạm bơm) (m)	Dung tích hiện tại (10 ³ m ³)	Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%)	Nhận định tình hình hạn hán, thiếu nước	Nhận định thời gian xảy ra thiếu nước
17	Công trình Đắc Goun	Đắc N'DRót	3.70	192.300	Cửa van	-2,40	64.231	33	Đảm bảo	
18	Công trình thủy lợi Mạnh Tiến	Đức Mạnh	2.50	50.000	Cửa van	-0,47	32.967	66	Không đảm bảo	Cả phê thiếu đợt 3,4
19	Công trình hồ Vạn Xuân	TT Đắc Mil	3.00	37.500	Tự do	0,70	18.741	50	Không đảm bảo	
20	Đập ông Truyền	Đức Minh	2.00	30.000	Tự do	-1,45	2.269	8	Không đảm bảo	Cả phê thiếu đợt 3,4
21	Đập ông Hiền	Đức Minh	3.00	30.000	Tự do	-1,75	5.208	17	Không đảm bảo	Cả phê thiếu đợt 3,4
22	Hồ E29	Đắc Sắk	2.00	720.000	Tự do	0,01	720.000	100	Đảm bảo	
23	Đập Sapa (Hồ đội 3)	Thuận An	2.00	45.000	Tự do	-0,20	39.200	87	Đảm bảo	
24	Hồ Bu Đắc	Thuận An	4.00	475.000	Tự do	-1,20	313.000	66	Đảm bảo	
25	Hồ Nông trường Thuận An	Thuận An	7.00	315.000	Tự do	-3,70	70.007	22	Đảm bảo	
26	Hồ Lâm trường Thuận An	Thuận An	6.00	285.000	Tự do	-2,00	148.333	52	Đảm bảo	
27	Hồ Lâm trường Đắc Gắn	Đắc Gắn	4.00	61.250	Tự do	-2,87	10.092	16	Không đảm bảo	Cả phê thiếu đợt 3,4
28	Hồ Thác Hòn	Đức Mạnh	10.00	1.275.000	Tự do	-2,63	908.168	71	Đảm bảo	
29	Hồ Đội 2	Thuận An	4.80	288.000	Tự do	-0,50	231.125	80	Đảm bảo	
30	Hồ Đội 1	Đắc Lao		600.000	Tự do	-0,10	580.167	97	Đảm bảo	
31	Hồ Đội 35	Đắc Lao		110.000	Tự do	-1,20	74.768	68	Không đảm bảo	Cả phê thiếu đợt 3,4
32	Hồ Đội 40	Đắc Lao		102.000	Tự do	-2,96	6.895	7	Không đảm bảo	Cả phê thiếu đợt 3,4
33	Tho Hoàng	Đắc Sắk	4.80	10.000	Tự do	-0,10	8.094	81	Đảm bảo	
VIII Huyện Cư Jút				12,110.150			3,043.780	25,13		
1	Hồ Đắc Diêr	Cư Knia	6.40	5.500.600	Tự do	-3,90	1.777.490	32	Đảm bảo	
2	Hồ Đắc Đrông	Đắc Đrông	4.00	3.766.700	Cửa van	-4,56	655.270	17	Không đảm bảo	Cuối vụ
3	Hồ Buôn Buôr	Tầm thẳng	1.40	298.520	Cửa van	-2,80	146.610	49	Đảm bảo	
4	Hồ Cư Pu	Nam Dong	6.50	424.000	Tự do	-6,40	7.950	2	Không đảm bảo	
5	Hồ Tiểu Khu 839	Đắc Wil	3.10	194.250	Tự do	-2,30	41.000	21	Đảm bảo	
6	Hồ Tiểu Khu 840	Đắc Wil	6.05	614.060	Tự do	-2,80	225.920	37	Đảm bảo	
7	Hồ Ea Dier	Đắc Đrông	3.90	392.520	Tự do	<MNC			Không đảm bảo	Cuối vụ
8	Hồ Trúc Sơn	Trúc Sơn	6.70	919.500	Cửa van	-4,80	189.540	21	Không đảm bảo	Cuối vụ
9	Trạm bơm Ea Pô	Ea Pô							Không đảm bảo	Cuối vụ
170	TỔNG CỘNG:			126,569.310			92,936.982	73.43		